

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch rà soát quy định, thủ tục hành chính
năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 46/2013/QĐ-UBND ngày 08/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc rà soát, cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 50/2013/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Tư pháp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011 -2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Kế hoạch hoạt động Kiểm soát thủ tục hành chính và công tác Truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 02/TTr-STP ngày 02/01/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

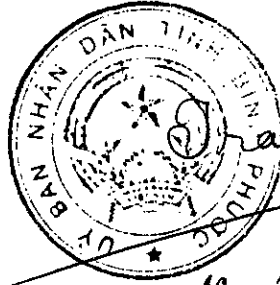
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Chủ tịch ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận.

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KSTTHC, Bộ Tư Pháp;
- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, PKSTTHC, TTTH-CB;
- Lưu. VT, H01 5/1. *150*

CHỦ TỊCH 



Nguyễn Văn Trâm

KẾ HOẠCH

Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính năm 2014

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 21/01/2014
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

I. Mục tiêu, yêu cầu.

1. Mục tiêu.

Rà soát quy định, thủ tục hành chính nhằm kịp thời phát hiện để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ quy định, thủ tục hành chính không cần thiết, không phù hợp, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định và thực hiện thủ tục hành chính; cắt giảm chi phí về thời gian và tài chính của tổ chức, cá nhân trong việc tuân thủ thủ tục hành chính, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, giải phóng mọi nguồn lực của xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo điều kiện cho kinh tế phát triển. Việc rà soát, cần lưu ý cần phân biệt rõ:

- **Rà soát đơn giản hóa TTHC:** Là căn cứ các quy định, thủ tục hành chính đã được thống kê, cập nhật được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại bộ thủ tục hành chính các sở, ban, ngành cấp tỉnh; bộ thủ tục hành chính áp dụng chung tại cấp huyện, cấp xã đang thực hiện giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở Kế hoạch Chủ tịch UBND tỉnh giao theo từng lĩnh vực, hàng năm lãnh đạo đơn vị chỉ đạo các phòng chuyên môn tiến hành rà soát quy định, thủ tục hành chính còn bất cập, rườm rà, gây cản trở trong giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân, hoặc những TTHC không cần thiết, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Thông qua phương án đơn giản hóa TTHC. Sau đó thực thi đơn giản hóa TTHC (đối với TTHC thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh ban hành) và đề nghị Bộ, ngành Trung ương (đối với TTHC do Bộ, ngành Trung ương ban hành) sửa đổi, thay thế, bãi bỏ để giảm chi phí cho tổ chức, cá nhân nâng cao hiệu quả kinh tế.

- **Rà soát cập nhật, sửa đổi, bổ sung:** Là căn cứ vào các văn bản QPPL của tỉnh, Bộ, ngành Trung ương ban hành mới có quy định TTHC và văn bản sửa đổi, bổ sung hàng năm công chức, viên chức đang giải quyết TTHC tại các phòng chuyên môn sở, ngành cấp tỉnh, cấp huyện, công chức, viên chức cấp xã tiến hành rà soát trong bộ TTHC đã được ban hành để thống kê TTHC mới, các quy định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ để đề xuất với cấp có thẩm quyền tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công bố theo đúng quy định (trước 10 ngày văn bản QPPL có hiệu lực thi hành) để giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

2. Yêu cầu:

- Lãnh đạo đơn vị tập trung chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức rà soát quy định, thủ tục hành chính. sản phẩm rà soát quy định, thủ tục hành chính phải cụ thể, thiết thực và đáp ứng được mục tiêu rà soát,

- Kết quả rà soát của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đề xuất được phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, sửa đổi các quy định, cắt giảm mạnh thủ tục hành chính hiện hành, đặc biệt các thủ tục mang tính chất hành chính hóa các quan hệ dân sự, kinh tế,

- Áp dụng nguyên tắc công khai, minh bạch, tham vấn người dân, doanh nghiệp cho việc rà soát quy định, thủ tục hành chính

II. Nội dung cụ thể:

1. Nội dung rà soát

- Rà soát quy định, thủ tục hành chính thực hiện năm 2014, trên cơ sở kết quả rà soát năm 2013 được các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã và đang thực hiện, tiếp tục rà soát theo từng lĩnh vực, theo nhóm thủ tục hành chính và từng thủ tục trong nhóm đảm bảo chất lượng;

- Việc rà soát cần quy định rõ các chỉ tiêu định lượng cụ thể, kết quả sản phẩm, tỷ lệ cắt giảm số lượng thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

2. Lĩnh vực rà soát.

Năm 2013 các sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã rà soát chưa đảm bảo Báo cáo đúng tiến độ cũng như nội dung theo yêu cầu. Do đó, năm 2014 căn cứ vào bộ thủ tục hành chính UBND tỉnh đã ban hành các đơn vị tiếp tục rà soát, cụ thể như sau.

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài, đầu tư xây dựng cơ bản.

2.2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về đất đai, đo đạc bản đồ, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường.

2.3. Sở Ngoại vụ: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính tất cả các lĩnh vực.

2.4. Sở Tư pháp: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về hành chính tư pháp, trợ giúp pháp lý, công chứng, nuôi con nuôi.

2.5. Sở Tài chính: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về tài chính doanh nghiệp, quản lý tài sản công, quản lý giá, tài chính ngân sách.

2.6. Sở Nội vụ: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về nội vụ, công chức, viên chức, tôn giáo.

2.7. Ban Quản lý khu Kinh tế: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về thành lập và phát triển doanh nghiệp, việc làm, môi trường, đầu tư tại Việt Nam

2.8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về kiểm lâm, trồng trọt – bảo vệ thực vật, lâm nghiệp, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, thủy lợi

2.9. Sở Công Thương: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp tiêu dùng, điện, lưu thông hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu, quản lý cạnh tranh, xúc tiến thương mại.

2.10. Sở Xây dựng: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về kiến trúc và quy hoạch xây dựng, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đô thị.

2.11. Sở Giao thông vận tải: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về đường bộ, đường thủy nội địa.

2.12. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về phòng chống tệ nạn, dạy nghề, người có công, việc làm, bảo hiểm thất nghiệp.

2.13. Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về văn hóa, du lịch.

2.14. Sở Giáo dục và Đào tạo: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo, quy chế thi, tuyển sinh.

2.15. Sở Y tế: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về dược – mỹ phẩm, khám – chữa bệnh, vệ sinh - an toàn thực phẩm.

2.16. Sở Thông tin và Truyền thông: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về viễn thông, công nghệ thông tin, xuất bản.

2.17. Sở Khoa học và Công Nghệ: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

2.18. Ban Dân tộc: Rà soát quy định, thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính về chính sách dân tộc, thanh tra công tác dân tộc.

2.19. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Căn cứ các lĩnh vực của các sở, ngành rà soát, chỉ đạo các phòng chuyên môn chọn thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính rà soát để đảm bảo sự thống nhất.

2.20. Ủy ban nhân dân cấp xã: Căn cứ các lĩnh vực xét thấy cần thiết nhất, chọn thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính rà soát theo quy định.

2.21. Các cơ quan: Ngân hàng Phát triển Việt Nam tỉnh, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Hải quan, Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện rà soát quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

3. Kết quả thực hiện:

Trên cơ sở kết quả rà soát, từng cơ quan, đơn vị xây dựng báo cáo kết quả rà soát đơn giản hóa kèm theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính và dự thảo quyết định phê duyệt thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính gửi Sở Tư pháp để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng quy định.

4. Tổ chức thực hiện:

- Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát theo đúng nội dung kế hoạch ban hành; kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch rà soát của cơ quan, đơn vị để có biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi cần thiết;

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chịu trách nhiệm rà soát quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc ngành, lĩnh vực đang thực hiện; đồng thời, xem xét cho ý kiến về kết quả rà soát của UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc ngành, lĩnh vực chuyên môn kiến nghị;

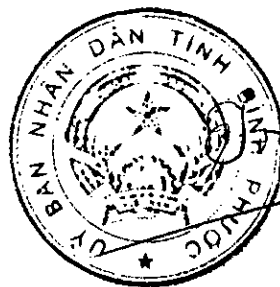
- Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính rà soát và kiến nghị các sở, ngành cho ý kiến theo quy định;

- Các cơ quan: Ngân hàng Phát triển Việt Nam tỉnh, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Hải quan, Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh thực hiện rà soát quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết.

5. Chế độ thông tin báo cáo.

Trước ngày 15/10/2014, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan: Ngân hàng Phát triển Việt Nam tỉnh, Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh, Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Hải quan, Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh gửi Phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa về Sở Tư pháp để tham mưu tổng hợp, báo cáo theo quy định (có mẫu báo cáo, phụ lục, Quyết định, Phương án đơn giản hóa kèm theo)./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trầm

Phụ lục 1

(Tên đơn vị)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-.....

Bình Phước, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Kết quả rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2014
của sở (ban, ngành, huyện thị xã)...**

Thực hiện Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2014 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch rà soát quy định, thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn tỉnh.

Sở (ban, huyện, thị xã).....Báo cáo kết quả rà soát đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2014 như sau:

A. Tổng số thủ tục hành chính đã rà soát :....., trong đó:

- I. Số lượng TTHC:
- II. Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai:
- II. Số lượng yêu cầu, điều kiện:

B. Kết quả rà soát :

I. Danh sách TTHC kiến nghị giữ nguyên:, trong đó:

- Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai kiến nghị giữ nguyên:
- Số lượng yêu cầu, điều kiện kiến nghị giữ nguyên:

(Bao gồm những trường hợp giữ nguyên toàn bộ nội dung của TTHC và mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC, (theo Mẫu 1)

II. Kiến nghị đơn giản hóa đối với những TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh.

- 1. Danh sách TTHC kiến nghị sửa đổi, bổ sung
- 2. Danh sách TTHC kiến nghị thay thế:
 - a) Số lượng TTHC kiến nghị thay thế:....., trong đó:
 - Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai kiến nghị thay thế:
 - Số lượng yêu cầu, điều kiện kiến nghị thay thế:
 - b) Danh sách TTHC kiến nghị thay thế: (theo Mẫu 3a)

III. Kiến nghị đơn giản hóa đối với những TTHC không thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh

1. Danh sách TTHC kiến nghị sửa đổi, bổ sung:

a) Số lượng TTHC kiến nghị sửa đổi, bổ sung:....., trong đó:

- Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai kiến nghị sửa đổi, bổ sung:

- Số lượng yêu cầu, điều kiện kiến nghị sửa đổi, bổ sung:

b) Danh sách TTHC kiến nghị sửa đổi, bổ sung: *(theo Mẫu 4)*

2. Danh sách TTHC kiến nghị thay thế:

a) Số lượng TTHC kiến nghị thay thế:....., trong đó:

- Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai kiến nghị thay thế:

- Số lượng yêu cầu, điều kiện kiến nghị thay thế:

b) Danh sách TTHC kiến nghị thay thế: *(theo Mẫu 3)*

3. Danh sách TTHC kiến nghị bãi bỏ/hủy bỏ:

(bao gồm những TTHC được kiến nghị bãi bỏ/hủy bỏ toàn bộ)

a) Số lượng TTHC kiến nghị bãi bỏ/hủy bỏ:....., trong đó:

- Số lượng mẫu đơn, mẫu tờ khai kiến nghị bãi bỏ/hủy bỏ:

- Số lượng yêu cầu, điều kiện kiến nghị bãi bỏ/hủy bỏ:

b) Danh sách TTHC kiến nghị bãi bỏ/hủy bỏ: *(theo Mẫu 5)*

IV. Kết quả lợi ích phương án đơn giản hóa

1. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa.... đồng/năm

2. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa.... đồng/năm.

3. Chi phí tiết kiệm..... đồng/năm

4. Tỷ lệ cắt giảm chi phí.....%

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;

-.....;

-Lưu VT.

Thủ trưởng đơn vị

MẪU 1
DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ GIỮ NGUYÊN CỦA SỞ..... (BAN, NGÀNH, HUYỆN, XÃ)
(Kèm theo báo cáo số: /..... ngày tháng năm 20....
của)

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Ghi chú
1				
2				
3				
..				

MẪU 2
DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐỐI VỚI NHỮNG TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo báo cáo số: /..... ngày tháng năm 20....
của)

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Kiến nghị thực thi
1		Tên thủ tục hành chính		Quy định hành chính (trình tự, cách thức thực hiện, thời gian giải quyết, thành phần hồ sơ...) sửa đổi, bổ sung a) Nội dung sửa đổi, bổ sung. b) Lý do sửa đổi, bổ sung: c) Phương án sửa đổi, bổ sung:	Kiến nghị rõ từng thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung tại điều, khoản, điểm, số ký hiệu, trình yếu của văn bản nào.
2					
3					
...					

MẪU 3a
DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ THAY THỂ
ĐỐI VỚI NHỮNG TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo báo cáo số: /..... ngày tháng năm 20....
của)

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Kiến nghị thay thế	Kiến nghị thực thi
1		Tên thủ tục hành chính		a) Nội dung thay thế: (nêu rõ nội dung cần thay thế) b) Lý do thay thế: (nêu rõ lý do tại sao cần thay thế) c) Phương án thay thế,	Kiến nghị rõ cần thay thế tại điều, khoản, điểm, số ký hiệu, trình yếu của văn bản nào.
2					
3					
...					

MẪU 5a
DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ BÃI BỎ/HỦY BỎ
ĐỐI VỚI NHỮNG TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo báo cáo số: /..... ngày tháng năm 20....
của)

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Kiến nghị bãi bỏ/hủy bỏ	Kiến nghị thực thi
1		Tên thủ tục hành chính		a) Nội dung bãi bỏ/hủy bỏ: (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ) b) Lý do bãi bỏ/hủy bỏ: (nêu rõ lý do tại sao cần bãi bỏ/hủy bỏ) c) Phương án bãi bỏ	Kiến nghị từng thủ tục hành chính cần bãi bỏ/hủy bỏ tại điều, khoản, điểm, số ký hiệu, trình yếu của văn bản nào.
2					
3					
...					

MẪU 4
DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐỐI VỚI NHỮNG TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ NGÀNH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo báo cáo số: /..... ngày tháng năm 20....
của)

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Kiến nghị thực thi
1		- Tên thủ tục hành chính - Mẫu đơn, mẫu tờ khai. - Yêu cầu/ điều kiện		Quy định hành chính (trình tự, cách thức thực hiện, thời gian giải quyết, thành phần hồ sơ...) sửa đổi, bổ sung a) Nội dung sửa đổi, bổ sung: (nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung) b) Lý do sửa đổi, bổ sung: (nêu rõ lý do tại sao cần sửa đổi, bổ sung) c) Phương án sửa đổi, bổ sung: (nêu phương án sửa đổi, bổ sung cụ thể đối với TTHC, mẫu đơn, mẫu tờ khai, yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC)	Kiến nghị rõ từng thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung tại điều, khoản, điểm, số ký hiệu, trính yếu của văn bản nào.
2					
3					
...					

MẪU 3
DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ THAY THẾ
ĐỐI VỚI NHỮNG TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo báo cáo số: /..... ngày tháng năm 20....
của)

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Kiến nghị thay thế	Kiến nghị thực thi
1		Tên thủ tục hành chính		a) Nội dung thay thế: (nêu rõ cần thay thế) b) Lý do thay thế: (nêu rõ lý do tại sao cần thay thế) c) Phương án thay thế,	Kiến nghị rõ từng thủ tục hành chính cần thay thế tại điều, khoản, điểm, số ký hiệu, trình yếu của văn bản nào.
2					
3					
...					

MẪU 5
DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ BÃI BỎ/HỦY BỎ
ĐỐI VỚI NHỮNG TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG
(Kèm theo báo cáo số: /..... ngày tháng năm 20....
của.....)

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Kiến nghị bãi bỏ/hủy bỏ	Kiến nghị thực thi
1		Tên thủ tục hành chính		a) Nội dung bãi bỏ/hủy bỏ: (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ) b) Lý do bãi bỏ/hủy bỏ: (nêu rõ lý do tại sao cần bãi bỏ/hủy bỏ) c) Phương án bãi bỏ	Kiến nghị rõ từng thủ tục hành chính cần bãi bỏ tại điều, khoản, điểm, số ký hiệu, trính yếu của văn bản nào.
2					
3					
...					

Ghi chú: gửi kèm báo cáo kết quả rà soát thủ tục hành chính

Phụ lục 2

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số. /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
năm 2014 của ngành.....
thuộc phạm vi quản lý nhà nước tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Kế hoạch hoạt động Kiểm soát thủ tục hành chính và công tác Truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch rà soát quy định, thủ tục hành chính năm 2014;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính của ngành..... thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh (phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã:

1. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính không thuộc thẩm quyền xử lý sau khi được Chính phủ thông qua.

Điều 3. Giao Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở....., Giám đốc sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, PCT tỉnh
- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- LDVP, Phòng NC-NgV;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC**

A. Phương án đơn giản hóa đối với những TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục.....

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....
.....

Lý do:.....
.....

b).....
.....

Lý do:.....
.....

Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: đồng/năm

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....
.....

Lý do:.....
.....

b).....
.....

Lý do:.....

.....
Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: đồng/năm
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

B. Phương án đơn giản hóa đối với những TTHC không thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh.

1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục.....

1.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....

Lý do:.....

b).....

Lý do:.....

.....
Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

1.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: đồng/năm
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.

2. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục

2.1. Nội dung đơn giản hóa (nêu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)

a).....
.....

Lý do:.....
.....

b).....
.....

Lý do:.....
.....

Lưu ý: Phải xác định rõ các nội dung đơn giản hóa thuộc thẩm quyền và nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền xử lý (thông qua ký hiệu riêng).

2.2. Kiến nghị thực thi (nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ)

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: đồng/năm
 - Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.
 - Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.
 - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.
-